



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

KHOA KINH TẾ

BỘ MÔN KINH TẾ HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên môn học tiếng Việt	KINH TẾ VĨ MÔ
Tên môn học tiếng Anh	MACROECONOMICS
Mã số môn học	BEE1038
Thuộc khối kiến thức	Đại cương
Thuộc khối kiến thức	X Bắt buộc
Trình độ	Đại học
Khóa học	2023 - 2027
Năm học	2023 - 2024
Học kỳ	2
Số tín chỉ	3 tín chỉ Lý thuyết (15 tiết/tín chỉ): 3 Thực hành, thí nghiệm, thảo luận (30 tiết/tín chỉ): Tự học, tự nghiên cứu (30 giờ/tín chỉ): 3
Học phần tiên quyết	Toán cao cấp, Kinh tế vi mô
Học phần trước	Kinh tế vi mô
Học phần sau	Kinh tế vĩ mô 2, Phân tích kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế số
Học phần song hành	Kinh tế lượng
Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy	Tiếng Việt
Các giảng viên phụ trách giảng dạy	
Các giảng viên trợ giảng	

2. Mô tả môn học (Course Description).

Môn học kinh tế học vĩ mô 1 là môn học giai đoạn đại cương của chuyên ngành Kinh tế học cung cấp kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô, các mô hình xác định sản lượng cân bằng, các chính sách và công cụ vĩ mô trong nền kinh tế, tác động các chính sách, công cụ vĩ mô đến các mục tiêu của nền kinh tế, đến hoạt động của các doanh nghiệp cũng như đời sống của người dân.

3. Giáo trình, tài liệu và phần mềm giảng dạy (Course books, Reference books and softwares)

Giáo trình chính:

[1] N.G. Mankiw, *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Cengage Learning và FAHASA VN phát hành (2014)

[2] Paul A Samuelson, William D. Nordhalls, *Kinh tế học – Tập 2*, NXB Thống Kê (2002).

Tài liệu tham khảo:

[3] David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch, *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Thống Kê (2010).

[4] Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư, *Kinh tế vĩ mô*, Nxb Phương Đông (2019)

4. Mục tiêu môn học (Course Outcomes)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của học phần	TĐNL
CO1	Cung cấp kiến thức tổng quát về các biến số vĩ mô cơ bản, các mục tiêu và các công cụ vĩ mô trong điều hành nền kinh tế	CLO1: Phân tích, đánh giá và nhận định tác động của các chính sách vĩ mô đến mục tiêu nền kinh tế.	5
		CLO2: Tính toán được các biến số vĩ mô cơ bản (GDP, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp...) và giải thích được mối tương quan giữa các biến số này trong ngắn và dài hạn.	5
CO2	Giúp người học phân tích và so sánh các mô hình xác định sản lượng cân bằng	CLO3: So sánh và đánh giá khái quát được các mô hình xác định sản lượng cân bằng trong kinh tế vĩ mô làm cơ sở	4

	khác nhau trong kinh tế vĩ mô	cho việc xây dựng và phân tích được tình huống lựa chọn công cụ vĩ mô của chính phủ	
CO3	Có khả năng học tập suốt đời. Có khả năng nghiên cứu, phân tích, tự tích lũy kinh nghiệm và phát triển nghề nghiệp cá nhân.	CLO4: Cập nhật các các biến động vĩ mô trong và ngoài nước để phục vụ cho công tác dự báo các biến động vĩ mô lớn trong và ngoài nước.	4

5. Chuẩn đầu ra môn học (Course Learning Outcomes)

(Các mục cụ thể hay CDR của học phần và mức độ giảng dạy I, T, U hoặc I, R, M)

CDR (1)	Mô tả CDR (2)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U hoặc I, R, M) (3)
CLO 1	Phân tích, đánh giá và nhận định tác động của các công cụ chính sách vĩ mô đến mục tiêu nền kinh tế.	PLO2	I, R, M
CLO2	Tính toán được các biến số vĩ mô cơ bản (GDP, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp...) và giải thích được mối tương quan giữa các biến số này trong ngắn và dài hạn.	PLO2	I, R, M
CLO 3	So sánh và đánh giá khái quát được các mô hình xác định sản lượng cân bằng trong kinh tế vĩ mô làm cơ sở cho việc xây dựng và phân tích được tình huống lựa chọn công cụ vĩ mô của chính phủ	PLO2	I, T, U
CLO4	Cập nhật các các biến động vĩ mô trong và ngoài nước để phục vụ cho công tác dự báo các biến	PLO8	I, R, M

	động vĩ mô lớn trong và ngoài nước.		
--	-------------------------------------	--	--

(1): Ký hiệu CĐR của học phần

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng hoặc I (Introduce): giới thiệu; R(Reinforced): tăng cường; M(Mastery): thành thạo.

6. Đánh giá môn học (Course Assessment)

Yêu cầu chung của học phần theo quy chế:

- Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

- Điểm thành phần: kết quả học tập một học phần được đánh giá theo quá trình học tập, thể hiện bởi các điểm thành phần được làm tròn tới một chữ số thập phân.

- Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân.

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của học phần)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x) (2)	CĐR môn học (CLOx) (3)	Tiêu chí đánh giá (4)	Thời lượng đánh giá (5)	Trọng số (6)	Trọng số con (7)
A1. Đánh giá quá trình (25%)	A.1.1 (Nhóm)	CLO1 CLO2 CLO3	Phân tích, đánh giá và nhận định tác động của các công cụ chính sách vĩ mô đến mục tiêu nền kinh tế.	50 phút	10%	20%
	A.1.2 (Nhóm)	CLO1 CLO2 CLO3	Tính toán được các biến số vĩ mô cơ bản (GDP, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp...)	50 phút	10%	40%

			và giải thích được mối tương quan giữa các biến số này trong ngắn và dài hạn.			
	A.1.3 (nhóm)	CLO1 CLO2 CLO3	So sánh và đánh giá khái quát được các mô hình xác định sản lượng cân bằng trong kinh tế vĩ mô làm cơ sở cho việc xây dựng và phân tích được tình huống lựa chọn công cụ vĩ mô của chính phủ	50 phút	10%	40%
A2. Đánh giá giữa kì (25%)	A2.1 (cá nhân)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Đánh giá khả năng tư duy hệ thống, tích lũy kiến thức cũ và cập nhật kiến thức mới	Bài kiểm tra tại lớp kết hợp tự luận và trắc nghiệm 50 phút	20%	100%
A3. Đánh giá cuối kì (50%)	A3.1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, khả năng hệ thống hóa và áp dụng kiến thức để phân tích, tổng hợp và đề xuất	75 phút	20%	40%
	A3.2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Đánh giá được khả năng tư duy logic, lập luận chặt chẽ.		5%	10%
	A3.3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Đánh giá khả năng sáng tạo, phát hiện vấn đề		5%	10%

	A3.4	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Đánh giá khả năng trình bày một bài viết bằng văn phong khoa học.		5%	10%
	A3.5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Đánh giá khả năng tích lũy, cập nhật các tri thức mới, đã được trao đổi, tranh luận và phản biện.		5%	10%
	A3.6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Kỹ năng trình bày một bài luận có hình thức phù hợp		5%	10%

(1): Các thành phần đánh giá của học phần.

(2): Ký hiệu các bài đánh giá

(3): Các CDR được đánh giá.

(4): Tiêu chí đánh giá như bài tập nhóm/cá nhân về nhà, bài tập nhóm/cá nhân tại lớp, dự án, đồ án học phần.....

(5): Thời lượng đánh giá theo phút tại lớp (nếu có)

(6): Trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm học phần

(7): trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm của thành phần đánh giá

- Thang điểm đánh giá: theo thang điểm 10, thang điểm 100 hoặc thang điểm 4 được dùng để ghi nhận và phân loại kết quả đánh giá. Thang điểm và cách xếp loại kết quả học tập được thực hiện như sau:

Xếp loại	Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 100	Thang điểm hệ 4	
			Điểm số	Điểm chữ
Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	Từ 90 đến 100	4,0	A+
Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0	Từ 80 đến cận 90	3,5	A
Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0	Từ 70 đến cận 80	3,0	B+
Trung bình khá	Từ 6,0 đến cận 7,0	Từ 60 đến cận 70	2,5	B
Trung bình	Từ 5,0 đến cận 6,0	Từ 50 đến cận 60	2,0	C

Yếu	Từ 4,0 đến cận 5,0	Từ 40 đến cận 50	1,5	D+
Kém	Từ 3,0 đến cận 4,0	Từ 30 đến cận 40	1,0	D
	< 3,0	Dưới 30	0,0	F

- Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được xem là học phần đạt, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

7. Nội dung môn học (Course Content):

Tuần/Buổi	Nội dung	Chuẩn đầu ra môn học	Hoạt động dạy và học	Hoạt động đánh giá
1	Giới thiệu môn học		Giảng viên: - Giới thiệu đề cương chi tiết, yêu cầu của môn học - Chia lớp thành nhóm (3-5HV/nhóm) - Thông báo đề tài bài tập nhóm Sinh viên: Chia nhóm (3-5HV / nhóm), cử đại diện nhóm, thống nhất nguyên tắc làm việc nhóm	
1	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ VĨ MÔ 1.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu kinh tế vĩ mô	CLO01	Giảng viên: + Thuyết giảng + Tổ chức thảo luận. Sinh viên: + Làm bài tập tại lớp	A.1.1

	1.2. Mục tiêu và công cụ của kinh tế vĩ mô 1.3. Sản lượng tiềm năng		+ Tham gia thảo luận nhóm	
2 + 3+4	CHƯƠNG 2: DỮ LIỆU KINH TẾ VĨ MÔ 2.1. Đo lường thu nhập quốc gia 2.2. Đo lường chi phí sinh hoạt 2.4. Bài tập cá nhân	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Giảng viên: + Thuyết giảng + Tổ chức thảo luận. Sinh viên: + Làm bài tập tại lớp + Tham gia thảo luận + Thực hiện bài tập cá nhân	A.1.1 A.1.2 A.1.3 A.3.1 A.3.2. A.3.4 A.3.5 A.3.6
5	CHƯƠNG 3: TIẾT KIỆM, ĐẦU TƯ VÀ HỆ THỐNG TÀI CHÍNH 3.1. Các thể chế tài chính trong nền kinh tế 3.2. Tiết kiệm và đầu tư trong hệ thống tài khoản thu nhập quốc gia 3.3. Thị trường vốn vay 3.4. Bài tập nhóm số 1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Giảng viên: + Thuyết giảng + Tổ chức thảo luận. Sinh viên: + Làm bài tập tại lớp + Tham gia thảo luận + Trao đổi và thực hiện tiểu luận nhóm	A.1.1 A.1.2 A.1.3 A.3.1 A.3.2. A.3.4 A.3.5 A.3.6
6	CHƯƠNG 4: THẤT NGHIỆP 4.1. Những vấn đề chung về thất nghiệp 4.2. Phân loại thất nghiệp theo nguyên nhân 4.3. Câu hỏi thảo luận cá nhân	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Giảng viên: Giảng viên: + Thuyết giảng + Tổ chức thảo luận. Sinh viên: + Làm bài tập tại lớp + Tham gia thảo luận	A.1.1 A.1.2 A.1.3 A.3.1 A.3.2. A.3.4 A.3.5 A.3.6

7+8	CHƯƠNG 5: HỆ THỐNG TIỀN TỆ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG 5.1. Tiền tệ 5.2. Hệ thống ngân hàng 5.3. Các công cụ kiểm soát cung tiền của NHTW 5.4. Bài tập nhóm số 2 vận dụng cho Việt Nam	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Giảng viên: + Thuyết giảng + Tổ chức thảo luận. Sinh viên: + Làm bài tập tại lớp + Tham gia thảo luận và thực hiện bài tập nhóm	A.1.1 A.1.2 A.1.3 A.3.1 A.3.2. A.3.4 A.3.5 A.3.6
9	CHƯƠNG 6: MÔ HÌNH TỔNG CUNG - TỔNG CẦU 7.1 Các đặc điểm của sự dao động kinh tế 7.2 Lý giải các dao động kinh tế trong ngắn hạn (đường tổng cung, đường tổng cầu, các cú sốc tổng cung/tổng cầu) 7.3 Câu hỏi thảo luận cá nhân	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Giảng viên: + Thuyết giảng + Tổ chức thảo luận. Sinh viên: + Làm bài tập tại lớp + Tham gia thảo luận	A.1.1 A.1.2 A.1.3 A.3.1 A.3.2. A.3.4 A.3.5 A.3.6
10+11	CHƯƠNG 7: TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TÀI KHOẢN VÀ TIỀN TỆ ĐẾN TỔNG CẦU 7.1 Tác động của chính sách tiền tệ tới tổng cầu 7.2 Tác động của chính sách tài khoản tới tổng cầu 7.3 Sử dụng chính sách nhằm ổn định hoá nền kinh tế 7.4 Bài tập nhóm số 3 về vận dụng tình huống thực tế		Giảng viên: + Thuyết giảng + Tổ chức thảo luận. Sinh viên: + Làm bài tập tại lớp + Tham gia thảo luận + Trao đổi và thực hiện tiểu luận nhóm	A.2.1 A.2.2 A.2.3 A.2.4
12	CHƯƠNG 8: MỐI QUAN HỆ GIỮA THẤT NGHIỆP VÀ LẠM PHÁT-ĐƯỜNG PHILLIPS (nội dung SV tự nghiên cứu tại lớp theo hướng dẫn của GV		Giảng viên: đưa câu hỏi định hướng, tổng kết nội dung chính của chương Sinh viên:	

	8.1 Mối quan hệ giữa thất nghiệp và lạm phát trong ngắn và dài hạn- đường Phillips 8.2 Sự dịch chuyển của đường Phillips		Đọc tài liệu, trả lời các câu hỏi định hướng của GV	
13, 14, 15	Trình bày thuyết trình nhóm		Sinh viên: Thuyết trình nhóm Các nhóm còn lại phản biện, góp ý. Giảng viên: Nhận xét, đánh giá	A.2.1 A.2.2 A.2.3 A.2.4
15	Ôn tập		Giảng viên: tổng kết môn học, ôn tập. Sinh viên: Chuẩn bị các câu hỏi liên quan	

8. Tổng thời lượng học tập

Hình thức	Hoạt động dạy và học	Số lần	Thời lượng (giờ)	Tổng thời lượng (giờ)
Thời lượng học trên lớp (bao gồm cả tuần thi)	Học và thảo luận tại lớp theo kế hoạch giảng dạy	11	15/6	165/6
Bài tập tình huống A1.1		1	5/6	5/6
Bài tập tình huống A1.2		1	5/6	5/6
Bài tập tình huống A1.3		1	5/6	5/6
Bài thuyết trình A2.1	Tiểu luận & thuyết trình	3	15/6	45/6
Tổng thời lượng giảng dạy và học				225/6
Tổng thời lượng/ giờ				37,5
Chuyển đổi tín chỉ theo ECTS				3

Ghi chú: 1 tiết = 50 phút = 5/6 giờ; 1 tín chỉ 50h học tập bao gồm cả thời gian học tập trên lớp, tự học, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá

9. Quy định của môn học (Course Requirements and Expectations).

- Sinh viên vắng quá 20% số tín chỉ sẽ không được tham gia kỳ thi cuối kỳ.
- Sinh viên/ nhóm sinh viên không nộp bài kiểm tra/ bài tiểu luận đúng thời hạn được coi như không nộp bài.
- Thành viên nhóm vắng mặt vào ngày báo cáo của nhóm thì sinh viên đó được đánh giá là không điểm cho bài báo cáo đó.
- Yêu cầu khác: Ôn bài, tự nghiên cứu nội dung theo tiến độ môn học, đọc các tài liệu và làm bài tập giảng viên yêu cầu; Tham gia đóng góp xây dựng bài, thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm và thuyết trình đầy đủ.

10. Phụ trách học phần (Faculty in-charge and Lecturer in-charge).

Khoa: Kinh tế

Bộ Môn: Kinh tế học

Giảng viên phụ trách môn học: Giảng viên Bộ môn: Kinh tế học

11. Đề cương được cập nhật và biên soạn ngày: 01 tháng 08 năm 2023

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2023

Trưởng Bộ Môn Kinh tế học

P. Trưởng Khoa phụ Trách

Đỗ Phú Trần Tình

Trịnh Hoàng Hồng Huệ

PHỤ LỤC

Phụ lục 1A: Rubric tự đánh giá mức độ tham gia bài tập nhóm

Tiêu chuẩn	Trọng số	Yếu	Trung bình	Khá	Xuất sắc	Điểm
		<5	5-6	7-8	9-10	
Mức độ tương tác trong lớp	20%	Sinh viên không bao giờ đóng góp cho lớp học bằng cách đưa ra ý kiến và đặt câu hỏi	Sinh viên hiếm khi đóng góp cho lớp học bằng cách đưa ra ý kiến và đặt câu hỏi	Sinh viên chủ động đóng góp cho lớp học bằng cách đưa ra ý tưởng và đặt câu hỏi	Sinh viên chủ động đóng góp cho lớp học bằng cách đưa ra ý tưởng và đặt câu hỏi nhiều hơn một ý kiến cho mỗi lớp.	
Lắng nghe, đặt câu hỏi và thảo luận	20%	Không lắng nghe với sự tôn trọng, tranh luận với bạn học và không xem xét các ý kiến khác, cản trở việc đạt được thỏa thuận tự do của nhóm.	Gặp khó khăn trong việc lắng nghe với sự tôn trọng và chiếm lĩnh cuộc thảo luận mà không để người khác có cơ hội.	Trân trọng lắng nghe, thảo luận và đặt câu hỏi.	Tôn trọng lắng nghe, thảo luận, đặt câu hỏi và giúp định hướng nhóm giải quyết vấn đề.	
Hành vi	10%	Sinh viên hầu như luôn thể hiện hành vi gây rối trong các cuộc thảo luận trong lớp và các hoạt động nhóm.	Sinh viên thỉnh thoảng thể hiện hành vi gây rối trong các cuộc thảo luận trên lớp và các hoạt động nhóm.	Sinh viên hiếm khi thể hiện hành vi gây rối trong các cuộc thảo luận trên lớp và các hoạt động nhóm.	Sinh viên hầu như không bao giờ thể hiện hành vi gây rối trong các cuộc thảo luận trên lớp và các hoạt động nhóm.	

Sự chuẩn bị	20%	Sinh viên hầu như không bao giờ được chuẩn bị bài tập và tài liệu lớp học bất buộc.	Sinh viên hiếm khi chuẩn bị bài tập và tài liệu lớp học cần thiết.	Sinh viên thường được chuẩn bị bài tập và các tài liệu lớp học cần thiết.	Sinh viên hầu như luôn được chuẩn bị bài tập và các tài liệu cần thiết cho lớp học.	
Giải quyết vấn đề	20%	Không cố gắng giải quyết vấn đề hoặc giúp người khác giải quyết vấn đề.	Không đưa ra giải pháp, nhưng sẵn sàng thử các giải pháp do các thành viên khác trong nhóm đề xuất.	Cải thiện các giải pháp được đề xuất bởi các thành viên khác trong nhóm.	Tích cực tìm kiếm và đề xuất giải pháp cho các vấn đề.	
Làm việc theo nhóm/đối tác	10%	Không làm việc tốt với những người khác và không quan tâm đến việc hoàn thành các mục tiêu của nhóm. Thường chế giễu công việc của người khác và có thái độ tiêu cực. Đóng góp ít vào nỗ lực của nhóm. Không thực hiện nhiệm vụ của vai trò nhóm được giao.	Thỉnh thoảng giúp hoàn thành mục tiêu nhóm. Đôi khi chế giễu công việc của người khác. Hoàn thành nhiệm vụ cá nhân nhưng không hỗ trợ các thành viên trong nhóm. Thực hiện một số nhiệm vụ của vai trò nhóm được giao.	Thường giúp hoàn thành các mục tiêu của nhóm. Thường có thái độ tích cực về nhiệm vụ và công việc của người khác. Hỗ trợ các thành viên trong nhóm trong dự án đã hoàn thành. Thực hiện gần như đầy đủ các nhiệm vụ của vai trò nhóm được giao.	Hoạt động để hoàn thành mục tiêu nhóm. Luôn có thái độ tích cực về nhiệm vụ và công việc của người khác. Tất cả các thành viên trong nhóm đóng góp như nhau. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của vai trò nhóm được giao.	
Tổng điểm đạt/ điểm tối đa						___/10

